TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 9 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thuý Vinh và bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị N, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh C, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Mai Thị N trình bày:

Chị và anh Phan Thanh C kết hôn vào ngày 25/10/2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Qúa trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng cùng sống chung dưới một mái nhà nhưng việc sinh hoạt thì mỗi người một phòng riêng, không ngủ cùng nhau. Chị đã nhiều lần tạo cơ hội để vợ chồng cùng nhau thay đổi và trở nên hòa hợp với

nhau, đồng thời nhờ gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng tình hình vẫn không cải thiện. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân với nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh C.

Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị Mai Thị N có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Trong Đơn, chị N nêu lý do vì tính chất công việc không có đủ điều kiện và thời gian để đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án được, vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Phía bị đơn - anh Phan Thanh C: Tại thời điểm chị N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị N đã gửi các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để thông báo cho anh C biết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập thông qua đường Bưu chính, anh C đã nhận được nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc.

Tại Biên bản xác minh ngày 28/6/2023, bà Nguyễn Thị D (là mẹ đẻ của anh C) cho biết: Anh Phan Thanh C và chị Mai Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2017 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với gia đình bà. Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung. Anh C đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cân, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch gửi theo đường bưu chính nhưng vì hiện tại anh C hay đi biển đánh cá, công việc đánh cá đi về thất thường không ổn định nên không trực tiếp đến Tòa án để làm việc được, bà cho biết anh C mong muốn Tòa án tạo điều kiện cho chị N được ly hôn để mỗi bên tự thu xếp cuộc sống của mình. Bản thân bà cũng mong muốn Tòa án tạo điều kiện giải quyết cho hai con được ly hôn để cả anh C và chị N có điều kiện tìm tương lai mới phù hợp hơn vì thực tế hiện tại mỗi người sống ở mỗi nhà khác nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa, cuộc sống chung không tồn tại và mục đích hôn nhân không đạt được.

Cùng ngày 28/6/2023, Tòa án trực tiếp làm việc với Công an xã H và Công an xã H xác nhận: anh Phan Thanh C hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình và chung hộ với bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ của anh C). Tuy nhiên, anh C làm nghề đánh cá biển đi về thất thường. Hiện anh C không đăng ký tạm trú ở địa chỉ nào khác.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến phiên tòa của Tòa án gửi cho anh C theo đúng quy định của pháp luật.

Vì anh C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 23/8/2023, anh C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh C tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Đối với các bên đương sự, quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến tham gia tố tụng hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị N, xử cho chị Mai Thị N được ly hôn anh Phan Thanh C.

+ Về quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung: Chị N và anh C không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

+ Tuyên buộc chị Mai Thị N phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện chị Mai Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết ly hôn đối với anh Phan Thanh C, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn"; anh Phan Thanh C có nơi cư trú là thôn Trung Hòa, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vắng mặt nhưng trước đó đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn - anh Phan Thanh C vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 23/8/2023, tuy nhiên, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa vì anh C vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh C tiếp tục vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Phan Thanh C và chị Mai Thị N.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Chị Mai Thị N và anh Phan Thanh C đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch ngày 25/10/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Qúa trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến anh chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa.

Mặc dù đã nhận đầy đủ các giấy tờ của Tòa án, đồng thời cũng có thể sắp xếp thời gian để đến Tòa án trực tiếp làm việc được nhưng anh C chỉ chú tâm vào việc làm ăn riêng, thờ ơ với việc giải quyết vụ án do đó tất cả các buổi làm việc tại Tòa án anh C đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh C từ bỏ quyền trực tiếp trình bày quan điểm giải quyết vụ án cũng như nguyện vọng của bản thân, đồng thời chứng tỏ anh C không quan tâm cũng như không mong muốn níu kéo mối quan hệ vợ chồng với chị N nữa. Đồng thời, thông qua bà Nguyễn Thị Dung (mẹ đẻ của anh C), anh C cũng như bà Dung đại diện gia đình anh C mong muốn Tòa án tạo điều kiện cho chị N ly hôn để cả hai vợ chồng có cơ hội tìm kiếm tương lai mới tốt đẹp hơn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của chị N và anh C đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị Mai Thị N được ly hôn anh Phan Thanh C là phù hợp.

Về con chung và tài sản chung: Xác định chị Mai Thị N và anh Phan Thanh C không có con chung cũng như không có tài sản chung, do đó, không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Mai Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị N, xử cho chị Mai Thị N được ly hôn anh Phan Thanh C.

2. Về quan hệ con chung: Chị Mai Thị N và anh Phan Thanh C không có con chung, do đó, không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Mai Thị N và anh Phan Thanh C không có tài sản chung, do đó, không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Chị Mai Thị N phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002730 ngày 21 tháng 4 năm 2023. Chị N đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã H
(GCNKH số 64, ngày 25/10/2017);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu